TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-PT
Ngày 18-3-2024
V/v tranh chấp chia tài sản
sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phỉ.

Các Thẩm phán: Ông Lưu Hữu Giàu;

Ông Nguyễn Hoàng Thám.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bé Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trường San - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2024/TLPT-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024 về việc tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 99/2023/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 09/2024/QĐ-PT ngày 19 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Hồng T, sinh năm 1957; nơi cư trú: Tổ A, ấp B, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Đức N, sinh năm 1951; nơi cư trú: Khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang (theo văn bản ủy quyền ngày 29/02/2024) (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Rô B, sinh năm 1951; nơi cư trú: Tổ A, ấp B, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn Rô B là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Hồng T (sau đây gọi tắt là bà T) trình bày:

Bà T và ông Nguyễn Văn Rô B (sau đây gọi tắt là ông B) đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số: 143/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08/4/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang nhưng không giải quyết tài sản chung và nợ chung.

Khi hôn nhân tồn tại, bà T và ông B có tài sản chung, gồm: Căn nhà cấp 4 diện tích khoảng 112m^2 tại xã M, thành phố L, tỉnh An Giang; số tiền 1.980.290.000đ do ông B giữ (nguồn gốc số tiền này có được là từ việc chuyển nhượng diện tích 30.407m^2 đất tại xã V, huyện T cho ông Nguyễn Phước T1 và bà Nguyễn Thị Kim H ngày 07/5/2018).

Sau khi ly hôn, bà T và ông B không thỏa thuận được với nhau về việc phân chia tài sản chung.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu ông B phải chia cho bà T ½ giá trị căn nhà; chia cho bà T số tiền 990.145.000đ (là ½ số tiền 1.980.290.000đ).

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T yêu cầu ông B phải chia cho bà T số tiền chuyển nhượng đất là 600.000.000đ. Bà T rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu chia căn nhà cấp 4 tại xã M, thành phố L, tỉnh An Giang; về yêu cầu chia số tiền 390.145.000đ (990.145.000đ – 600.000.000đ).

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông B trình bày:

Ông B thống nhất đã thuận tình ly hôn như bà T trình bày.

Về tài sản chung: Ông B thừa nhận có số tiền 1.980.290.000đ từ việc chuyển nhượng diện tích 30.407m^2 đất tại xã V, huyện T nhưng ông B đã sử dụng số tiền này để trả nợ 300.000.000đ cho Quỹ tín dụng nhân dân M, trả cho bà T 64.000.000đ, trả nợ người khác (không nhớ tên), sửa chữa nhà và chi tiêu trong gia đình đã hết.

Nay ông B không đồng ý chia cho bà T 600.000.000đ, vì tiền chuyển nhượng đất đã chi tiêu hết.

Tại Bản án sơ thẩm số: 99/2023/HNGĐ-ST ngày 28/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tuyên xử:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà T về yêu cầu chia giá trị căn nhà cấp 4 tại xã M, thành phố L, tỉnh An Giang và về yêu cầu chia số tiền 390.145.000đ.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T: Buộc ông B có trách nhiệm trả cho bà T số tiền 600.000.000đ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 12/7/2023, ông B kháng cáo: Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Trần Đức N là người đại diện theo ủy quyền của bà T trình bày: Bà Thu giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bà T không đồng ý yêu cầu kháng cáo của ông B; yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bị đơn ông B trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông B. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 99/2023/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức: Ông B nộp đơn kháng cáo trong thời hạn và có đơn xin miễn tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Theo lời khai của bà T và ông B thống nhất việc bà T và ông B có chuyển nhượng diện tích 30.407m^2 đất 2L tại xã V, huyện T, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông B và bà T đứng tên; số tiền chuyển nhượng do ông B nhận là 1.980.290.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông B thừa nhận có giữ số tiền chuyển nhượng đất là 1.980.290.000đ nhưng ông B trình bày đã sử dụng hết số tiền này trong việc trả nợ chung, sửa chữa nhà và chi tiêu trong gia đình trong thời gian chưa ly hôn. Tuy nhiên, bà T thống nhất việc ông B sử dụng một phần trong số tiền chuyển nhượng đất; phần còn lại không thống nhất; ông B không cung cấp tài liệu, chứng cứ về việc đã chi tiêu hết số tiền 1.980.290.000đ là tài sản chung của bà T và ông B.

Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc ông B phải trả cho bà T 600.000.000đ là có cơ sở và phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29, Điều 33, khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ông B kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới. Do đó, cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông B như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông B không được chấp nhận nên ông B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, ông B thuộc trường hợp người cao tuổi. Do đó, căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, ông B được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn Rô B.

2. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 99/2023/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang:

- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hồng T về yêu cầu chia căn nhà cấp 4 tại xã M, thành phố L, tỉnh An Giang và về yêu cầu chia số tiền 390.145.000đ.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hồng T.

- Buộc ông Nguyễn Văn Rô B trả cho bà Lê Thị Hồng T số tiền 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Văn Rô B phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Lê Thị Hồng T số tiền 650.000đ (sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Hồng T và ông Nguyễn Văn Rô B được miễn án phí dân sự sơ thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn Rô B được miễn án phí dân sự phúc thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV và THA tỉnh;
- TAND TP Long Xuyên;
- Chi cục THADS TP Long Xuyên;
- Tòa GĐ&NCTN;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Ngô Ngọc Phỉ